

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Kế toán doanh nghiệp**
(Enterprise Accounting)
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Ngành đào tạo: **Kế toán**
Mã ngành: **51340301**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cao đẳng Chính quy Kế toán doanh nghiệp nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn cơ bản, năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo, khả năng thích ứng với những biến đổi trong lĩnh vực Kế toán; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Nắm vững nhiệm vụ, nội dung, yêu cầu của công tác kế toán để tổ chức thực hiện được các nghiệp vụ kế toán, tài chính của doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Có trình độ tin học, ngoại ngữ để khai thác, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

- Tổ chức được công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Thực hiện thành thạo các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp;
- Phân tích, đánh giá được các mặt hoạt động kinh tế của doanh nghiệp để cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý;
- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm; kỹ năng viết, trình bày và thuyết trình vấn đề đặt ra;

- Soạn thảo và trình bày được các văn bản hành chính theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, để nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả tiến bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực kế toán của doanh nghiệp.

1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của lĩnh vực Kế toán đối với phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành pháp luật, đóng góp cho ngành giao thông vận tải và sự phát triển của đất nước;

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tự học suốt đời.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm cán bộ kế toán tại các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp...

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 350 điểm TOEIC.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 106 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (3 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	26	2	28
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	72	6	78
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	27	2	29
2.2	Kiến thức ngành	29	4	33
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	8		8
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp	4		4
	Tổng cộng	98	8	106

4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

6. Thang điểm

* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

7.1. Tên và khối lượng các học phần

7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 28 TC

Bao gồm 26 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 3 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		26 TC
7.1.1.1	Lý luận chính trị		12 TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	CC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	CC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	CC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	CC1LL05	2
7.1.1.2	Ngoại ngữ		4 TC
6	Tiếng Anh 1	CC1CB31	4
7.1.1.3	Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường		10 TC
7	Toán 1	CC1CB17	4
8	Lý thuyết xác suất - thống kê	CC1CB19	3
9	Tin học đại cương	CC1TT42	3
7.1.1.4	Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)		3 đvht
10	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	CC1TD01	1 đvht
11	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	CC1TD02	1 đvht
12	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	CC1TD05	1 đvht
7.1.1.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)		8 TC
13	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	CC1QP01	3 TC
14	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	CC1QP02	2 TC
15	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	CC1QP03	3 TC
	* Học phần tự chọn		2 / 6 TC
1	Soạn thảo văn bản	CC1CB82	2
2	Tâm lý học đại cương	CC1CB85	2
3	Xã hội học	CC1CB83	2

7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 78 TC

7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 29 TC

Bao gồm 27 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		27 TC
1	Kinh tế vi mô	CC2KV61	3
2	Kinh tế vĩ mô	CC2KV62	3
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	CC2KV71	3
4	Marketing căn bản	CC2KV74	3
5	Quản trị học	CC2KV73	3
6	Nguyên lý kế toán	CC2KV68	3
7	Tài chính - Tiền tệ	CC2KV67	3
8	Pháp luật kinh tế	CC2KV77	3
9	Kiểm toán căn bản	CC2KV81	3
	* Học phần tự chọn		2 / 8 TC
1	Kinh tế xây dựng	CC2KV65	2
2	Văn hóa kinh doanh	CC2CB94	2
3	Thương mại điện tử	CC2KV90	2
4	Kinh tế quốc tế	CC2KV82	2

7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 33 TC

Bao gồm 29 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		29 TC
1	Tiếng Anh 3	CC3KT33	3
2	Kế toán tài chính 1	CC3KT21	3
3	Kế toán tài chính 2	CC3KT22	3
4	Kế toán tài chính 3	CC3KT23	3
5	Kế toán quản trị	CC3KT26	3
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp	CC3QT64	3
7	Thuế	CC3KV49	2
8	Kế toán thuế	CC3KT27	2
9	Kế toán xây dựng cơ bản	CC3KT29	2
10	Thống kê kinh doanh	CC3KV31	2
11	Phân tích hoạt động kinh doanh	CC3KV32	3
	* Học phần tự chọn		4 / 10 TC
1	Kế toán hành chính sự nghiệp	CC3KV30	2
2	Tin học kế toán	CC3KT60	2
3	Kế toán thương mại	CC3KV28	2
4	Thị trường chứng khoán	CC3KV92	2
5	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	CC3QT12	2

7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (16 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7.1.2.3.1	Thực hành, thực tập nghề nghiệp		8 TC
1	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1	CC4KT21	4
2	Thực hành nghiệp vụ kế toán 2	CC4KT22	4
7.1.2.3.2	Thực tập tốt nghiệp		4 TC
3	Thực tập tốt nghiệp	CC4KT70	4
7.1.2.3.3	Khóa luận tốt nghiệp		4 TC
4	Khóa luận tốt nghiệp	CC4KT80	4

7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		28				
	* Học phần bắt buộc		26				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	CC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	CC1LL02	3	30	30		CC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CC1LL03	2	21	18		CC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	CC1LL04	3	30	30		CC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	CC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	CC1CB31	4	45	30		
7	Toán 1	CC1CB17	4	60			
8	Lý thuyết xác suất - thống kê	CC1CB19	3	45			CC1CB17
9	Tin học đại cương	CC1TT42	3	30	30		
10	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	CC1TD01	1 đvht	8	22		
11	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	CC1TD02	1 đvht	8	22		
12	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	CC1TD05	1 đvht	3	27		
13	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	CC1QP01	3	45			CC1LL04
14	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	CC1QP02	2	30			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
15	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	CC1QP03	3	15	60		
	* Học phần tự chọn		2/6				
1	Soạn thảo văn bản	CC1CB82	2	30			
2	Tâm lý học đại cương	CC1CB85	2	30			
3	Xã hội học	CC1CB83	2	30			
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		78				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		29				
	* Học phần bắt buộc		27				
1	Kinh tế vi mô	CC2KV61	3	45			
2	Kinh tế vĩ mô	CC2KV62	3	45			CC2KV61
3	Nguyên lý thông kê kinh tế	CC2KV71	3	30	30		
4	Marketing căn bản	CC2KV74	3	45			CC2KV61
5	Quản trị học	CC2KV73	3	45			CC2KV62
6	Nguyên lý kế toán	CC2KV68	3	45			
7	Tài chính - Tiền tệ	CC2KV67	3	45			CC1LL02
8	Pháp luật kinh tế	CC2KV77	3	45			CC1LL05
9	Kiểm toán căn bản	CC2KV81	3	45			
	* Học phần tự chọn		2/8				
1	Kinh tế xây dựng	CC2KV65	2	30			
2	Văn hóa kinh doanh	CC2CB94	2	30			
3	Thương mại điện tử	CC2KV90	2	30			
4	Kinh tế quốc tế	CC2KV82	2	30			CC2KV62
II.2	Kiến thức ngành		33				
	* Học phần bắt buộc		29				
1	Tiếng Anh 3	CC3KT33	3	30	30		CC1CB31
2	Kế toán tài chính 1	CC3KT21	3	45			CC2KV68
3	Kế toán tài chính 2	CC3KT22	3	45			CC3KT21
4	Kế toán tài chính 3	CC3KT23	3	45			CC3KT22
5	Kế toán quản trị	CC3KT26	3	45			CC3KT22
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp	CC3QT64	3	45			CC2KV67
7	Thuế	CC3KV49	2	30			CC2KV67
8	Kế toán thuế	CC3KT27	2	30			CC3KT22

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
9	Kế toán xây dựng cơ bản	CC3KT29	2	30			CC2KV68
10	Thông kê kinh doanh	CC3KV31	2	30			CC2KV71
11	Phân tích hoạt động kinh doanh	CC3KV32	3	45			CC3QT64
	* Học phần tự chọn		4/10				
1	Kế toán hành chính sự nghiệp	CC3KV30	2	30			CC2KV68
2	Tin học kế toán	CC3KT60	2	30			CC3KT23
3	Kế toán thương mại	CC3KV28	2	30			CC2KV68
4	Thị trường chứng khoán	CC3KV92	2	30			
5	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	CC3QT12	2	30			
II.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và khóa luận tốt nghiệp		16				
1	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1	CC4KT21	4		120		CC3KT23
2	Thực hành nghiệp vụ kế toán 2	CC4KT22	4		120		CC3KT23
3	Thực tập tốt nghiệp	CC4KT70	4			180	CC3KT23
4	Khóa luận tốt nghiệp	CC4KT80	4			240	CC4QT70
	Tổng cộng		106				

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ					
			I	II	III	IV	V	VI
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	28						
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3				
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2			
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3				3		
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2					
6	Tiếng Anh 1	4			4			
7	Toán 1	4	4					
8	Lý thuyết xác suất - thống kê	3		3				
9	Tin học đại cương	3		3				

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ					
			I	II	III	IV	V	VI
10	GDTC 1: Thẻ đục tay không, thẻ đục dụng cụ	1 đvht	1					
11	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1				
12	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht			1			
13	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3				3		
14	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2				2		
15	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3			3			
16	Tự chọn 1	2	2					
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	78						
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	29						
17	Kinh tế vi mô	3	3					
18	Kinh tế vĩ mô	3		3				
19	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3					
20	Marketing căn bản	3			3			
21	Quản trị học	3		3				
22	Nguyên lý kế toán	3	3					
23	Tài chính - Tiền tệ	3			3			
24	Pháp luật kinh tế	3				3		
25	Kiểm toán căn bản	3					3	
26	Tự chọn 2	2		2				
8.2.2	Kiến thức ngành	33						
27	Tiếng Anh 3	3				3		
28	Kế toán tài chính 1	3		3				
29	Kế toán tài chính 2	3			3			
30	Kế toán tài chính 3	3				3		
31	Kế toán quản trị	3					3	
32	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3				3		
33	Thuế	2				2		
34	Kế toán thuế	2					2	
35	Kế toán xây dựng cơ bản	2				2		
36	Thống kê kinh doanh	2			2			
37	Phân tích hoạt động kinh doanh	3					3	
38	Tự chọn 3	2			2			
39	Tự chọn 4	2					2	
8.2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và khóa luận tốt nghiệp	16						
40	Thực hành nghiệp vụ kế toán 1	4					4	

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ					
			I	II	III	IV	V	VI
41	Thực hành nghiệp vụ kế toán 2	4						4
42	Thực tập tốt nghiệp	4						4
43	Khóa luận tốt nghiệp	4						4
	Tổng cộng	106	19	20	19	19	17	12

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Cao đẳng Kế toán doanh nghiệp thuộc ngành đào tạo Kế toán
- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:
 - + Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
 - + Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;
- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.
- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.
- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.
- Chương trình đào tạo thiết kế cho 6 học kỳ chính. Ngoài 6 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.
- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.
- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

TS. ĐỖ NGỌC VIỆN